TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2024/HS-ST Ngày 27-9-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Tuấn Anh và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Tuấn Dũng – Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 16/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình V – tên gọi khác: không có; sinh ngày 19/02/1996, tại U, Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ A, khu E, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H; vợ là Vũ Tuyết N, sinh năm 2005; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/5/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh có mặt tại phiên toà.

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Tất T, sinh năm: 1995; vắng mặt;

2. Anh Đặng Ngọc T1, sinh năm: 1995; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Bùi Thị H1, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ G, khu B, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy Nguyễn Đình V lên mạng xã hội T2 mua của một người không quen biết 2.100.000 đồng ma túy loại "Cần sa" thường gọi là "Cỏ", mang về cho vào hộp giấy giấu trong phòng ngủ để sử dụng dần. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/5/2024, V mang theo một ít ma túy Cần sa đi đến quán bán hàng nước của vợ là Vũ Tuyết N ở khu D, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thì gặp 02 người bạn là Nguyễn Tất T (sinh năm 1995, trú tại: tổ E, khu A, phường T, thành phố U) và Đặng Ngọc T1 (sinh năm 1995, trú tại: khu A, phường C, thành phố H) đang ngồi uống nước. V nảy sinh ý định mời T và T1 cùng sử dụng ma tuý, nên lại gần T và T1 nói *"Anh em mình làm một chày cỏ",* T và T1 hiểu ý V mời sử dụng ma tuý Cần sa, nên cả hai đồng ý. V bảo T và T1 đi đến quán nước chè ở vỉa hè của bà Bùi Thị H1 ở tổ G, khu B, phường Q, thành phố U, để sử dụng ma tuý. Khi vào quán Văn móc ví lấy ma tuý Cần sa để lên mặt bàn để cả ba cùng sử dụng. Sau đó, V lấy một ít Cần sa cho vào nõ chiếc điếu cày có sẵn ở quán châm lửa hút trước, rồi đưa điếu cày cho T và T1, cả hai lần lượt lấy ma tuý Cần sa trên mặt bàn sử dụng như V. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi V, T, T1 đang sử dụng ma túy thì bị Công an thành phố U kiểm tra, phát hiện bắt giữ. Vật chứng thu giữ: thu trên mặt bàn nơi V, T, T1 đang ngồi 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (04 x 07)cm, bên trong chứa thực vật khô (ký hiệu M1), 01 chiếc điếu cày trong nõ có chứa chất màu nâu đen dạng vết (ký hiệu M2) và 01 bật lửa ga tại quán nước của bà Bùi Thị H1. Ngoài ra còn thu giữ của V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu ghi, bên trong đều có gắn sim.

Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở N tại tổ A, khu E, phường Q, thành phố U. Vật chứng thu giữ: thu trên nóc tủ trong phòng ngủ của V 01 hộp giấy màu xanh, trên mặt hộp có in chữ GUCCI, kích thước (14 x 12 x 06)cm, bên trong có 01 túi nilon màu hồng kích thước (20 x 18)cm, chứa thực vật khô (ký hiệu M3).

Tại bản Kết luận giám định số 707/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Mẫu vật gửi giám định kí hiệu M1, M3 đều là ma túy, loại Cần sa, khối lượng M1 là 0,089 gam, M3 là 13,685 gam. Tìm thấy chất ma túy Delta9-tetrahydrocannabinol trong nõ điếu cày ký hiệu M2, dạng vết không xác định được khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 717/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: tìm thấy chất 11-Nor-9-cacboxy-THC (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Delta9-tetrahydrocannabinol và Cần sa) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Đình V, Nguyễn Tất T và Đặng Ngọc T1 gửi giám định.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, Nguyễn Đình V khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Ngoài ra V còn khai: đối với lượng ma túy Cần sa bị Công an thu giữ tại nơi ở là của V, V sẽ tiếp tục lấy để sử dụng cùng Nguyễn Tất T và Đặng Ngọc T1 nếu không bị Công an phát hiện bắt giữ.

Người làm chứng anh Nguyễn Tất T và anh Đặng Ngọc T1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với tài liệu cơ quan điều tra thu thập được. Bà H1 không yêu cầu trả lại chiếc bật lửa ga và chiếc điếu cày mà Công an thành phố U đã thu giữ tại quán nước của bà.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 1632/CT-VKSUB ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

*** Về hình phạt:**

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình V từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù, về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 16/5/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone màu ghi;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0789.326.136, 01 bật lửa ga màu đỏ và 02 phong bì hoàn lại sau giám định của phòng K - Công an tỉnh Q;

+ Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu vàng, bên trong gắn sim.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố U, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ

vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, tại quán nước của bà Bùi Thị H1 thuộc tổ G, khu B, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Đình V là người đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự có hành vi tổ chức cho Nguyễn Tất T và Đặng Ngọc T1 sử dụng trái phép chất ma túy loại cần sa thì bị Công an thành phố U kiểm tra, phát hiện thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;"...

[3] Đánh giá tính chất mức độ thực hiện tội phạm: hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy là chất gây nghiện độc hại, làm cho người nghiện ma túy không còn khả năng làm chủ bản thân, lệ thuộc ma túy về mặt thể chất. Bị cáo là người trưởng thành, biết và nhận thức được tác hại của ma túy, sự nghiêm cấm của Nhà nước nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống buông thả nên bị cáo V đã có hành vi tổ chức cho hai người là T và T1 sử dụng trái phép ma tuý, tiếp tay cho tệ nạn ma túy phát triển. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt: theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình V bị phạt tù từ 07 đến 15 năm.

[4.1] Về hình phạt chính:

[4.1.2] Về nhân thân: bị cáo Nguyễn Đình V lần đầu phạm tội rất nghiêm trọng.

[4.1.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Đình V không có tình tiết tăng nặng.

[4.1.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Đình V trong quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng

như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4.2] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

"5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong số 707/KL-KTHS bên trong chứa số ma tuý còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và một phong bì niêm phong số 707/KL-KTHS bên trong chứa 01 điếu cày (do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 không yêu cầu nhận lại) của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 bật lửa ga và 01 sim điện thoại số 0789.326.136 là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu ghi bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy, vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi màu vàng, bên trong lắp 02 sim số: 0929.663.886 và 0904.363.126 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác: đối với Nguyễn Tất T và Đặng Ngọc T1 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên Công an thành phố U đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; mặt khác, theo lời khai của Nguyễn Đình V, đối tượng bán ma túy cho V do không rõ lai lịch, địa chỉ nên không xem xét.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ:* điểm b, khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/5/2024.

2. Về vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 707/KL-KTHS bên trong chứa số ma tuý còn lại sau giám định và 01 phong bì niêm phong số 707/KL-KTHS bên trong chứa 01 chiếc điếu cày của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 chiếc bật lửa ga và 01 sim điện thoại số 0789.326.136;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu ghi;

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi màu vàng, bên trong có lắp 02 sim số 0929.663.886 và 0904.363.126.

(Tình trạng như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí ngày 11/9/2024).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Nguyễn Đình V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: bị cáo Nguyễn Đình V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Cơ quan CSĐT, Công an TP. Uông Bí;
- Nhà tạm giữ, Công an TP. Uông Bí;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Lưu hồ sơ, án văn.